

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 9 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hoàn

Ông Bùi Trung Thành

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá tham gia phiên toà:** Ông Lê Anh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị G; sinh năm: 1991; HKTT: Thôn L, xã T (trước là thôn L, xã Q, huyện N), tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện nay: Số 45N/6, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (trước là Số 45N/6, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương).

- **Bị đơn:** Anh Lê Văn A; sinh năm: 1985; HKTT: Thôn L, xã T (trước là thôn L, xã Q, huyện N), tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã T, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt chị G, anh A. Chị G, anh A đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vũ Thị G trình bày: Chị và anh Lê Văn A kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 24/02/2020 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D (nay là xã H), tỉnh Nghệ An. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Bích N, sinh ngày 21/02/2020 và cháu Lê Ngọc M, sinh ngày 30/7/2022. Hiện cháu N ở với anh A, cháu M ở với chị G. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M; giao cháu N cho anh A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị G không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Văn A trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được khoảng 03 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị G.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Bích N, sinh ngày 21/02/2020 và cháu Lê Ngọc M, sinh ngày 30/7/2022. Hiện cháu N ở với anh A, cháu M ở với chị G. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N; giao cháu M cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh A không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị G, anh A không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định của BLTTDS. Về giao nhận, tổng đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Vũ Thị G được ly hôn anh Lê Văn A. Giao cháu Lê Thị Bích N, sinh ngày 21/02/2020 cho anh A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Lê Ngọc M, sinh ngày 30/7/2022 cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Vũ Thị G khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lê Văn Anh, nơi cư trú tại Thôn L, xã T, tỉnh Thanh Hoá nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a

khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng chị G, anh A không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị G, anh A theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Chị G đề nghị không tiến hành hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 BLTTDS.

Chị Vũ Thị G và anh Lê Văn A đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị G, anh A.

[2] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị G và anh Lê Văn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/02/2020 tại Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Nghệ An và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023. Chị G và anh A đều có nguyện vọng muốn được ly hôn. Điều đó chứng tỏ chị G, anh A đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị G được ly hôn anh A.

[3] Về con chung: Chị G và anh A có 02 con chung. Chị G và anh A đã tự nguyện thống nhất về việc giao người trực tiếp nuôi con. Xét thấy, hiện tại cháu N đang ở với anh A, cháu M đang ở với chị G. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu. Chấp nhận yêu cầu của chị G và anh A: giao cháu N cho anh A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu M cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Chị G, anh A không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị G được ly hôn anh Lê Văn A.
2. Về con chung: Chị Vũ Thị G và anh Lê Văn A có 02 con chung là cháu

Lê Thị Bích N, sinh ngày 21/02/2020 và cháu Lê Ngọc M, sinh ngày 30/7/2022. Giao cháu N cho anh A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu M cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị G, anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị G, anh A không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị G phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Thanh Hoá), theo biên lai số 0007602 ngày 15/5/2025. Chị G đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị G, anh A có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- UBND xã Hải Châu, tỉnh Nghệ An;
- THADS cấp tỉnh;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thịnh